

Bản án số:18/2023/HS - ST
Ngày: 28 - 4 - 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Châu Phương
2. Bà Mai Thị Nhắc

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 08/2023/TLST - HS, ngày 24/02/2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST - HS, ngày 28/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2023/HSST-QĐ, ngày 13/4/2023 đối với bị cáo:

Trần Văn M, sinh ngày 13/10/1974 tại tỉnh Bến tre. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 279, khu phố 4, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: mua bán; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Bé, sinh năm 1936 và bà Phạm Ngọc Diệp, sinh năm 1947; Tiền án: không; Tiền sự: không; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Nguyễn Văn V, sinh năm 1945; Nơi cư trú: ấp An Nhơn 1, xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (đã chết).

- Đại diện hợp pháp của người bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; Nơi cư trú: ấp 9, xã N, huyện M, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1972; Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện M, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1982; Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà L, ông B và bà M ủy quyền cho bà N theo giấy ủy quyền đề ngày 15/9/2022 được lập tại UBND xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Anh Trần Duy T, sinh năm 1992, Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp H, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí M; Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chị Bùi Thị Huế T1, sinh năm 1992; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người làm chứng: Cháu Lương Nhựt T2, sinh năm 2014; Người giám hộ của cháu T2: Chị Lương Thị Q, sinh năm 1983; Cùng Nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người chứng kiến: Nguyễn Thành T3, sinh năm 1975; Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị N và anh T, chị T1, cháu T2, chị Q và anh T3 có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Văn M bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 08 giờ 17 phút ngày 02/7/2022, bị cáo Trần Văn M điều khiển xe mô tô biển số 52Z2-2105 chở sau ba giỏ bẹ đựng dừa (một giỏ để trên yên xe phía sau, hai giỏ máng hai bên) lưu T trên Quốc lộ 57 hướng từ cầu Mương Điều đi thị trấn Mỏ Cày. Khi đến khu vực thuộc khu phố 3, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, bị cáo M điều khiển xe vượt bên trái xe đạp do ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1945 ngụ ấp An Nhơn 1, xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam điều khiển lưu T cùng chiều phía trước; do trong lúc vượt giỏ xách bẹ máng bên phải xe M điều khiển va đụng vào phía sau xe đạp làm ông V té ngã giữa đường. Cùng lúc đó xe mô tô biển số 59D1-121.80 do anh Trần Duy T, sinh năm 1992 ngụ ấp Đồng Hòa, xã Long Hòa, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí M điều khiển chở Lương Nhựt T2, sinh năm 2014 ngụ ấp 8, xã M Đức, huyện Mỏ Cày Nam lưu T cùng chiều từ phía sau đến không tránh kịp nên va đụng vào người ông V. Hậu quả ông Nguyễn Văn V bị thương vùng đầu được đưa đi cấp cứu điều trị tại Bệnh viện đa khoa khu vực Cù lao M và Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Bến Tre đến ngày 27/7/2022 chuyển viện đến Bệnh viện Chợ Rẫy, thành phố Hồ Chí M điều trị, ngày 29/7/2022 do sức khỏe yếu xin xuất viện về và tử vong tại nhà.

* Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: Một xe mô tô biển số 52Z2-2105; một xe mô tô biển số 59D1-121.80; một xe đạp; 03 (ba) giỏ xách bẹ (tất cả đã qua sử

dụng). Ngoài ra còn tạm giữ của Trần Văn M một giấy phép lái xe hạng A1 số F018788 do Sở giao T vận tải tỉnh Bến Tre cấp ngày 15/6/2000.

* Theo biên bản khám nghiệm hiện T2 và sơ đồ hiện T2 vụ tại nạn giao T do Phòng Cảnh sát giao T Công an tỉnh Bến Tre lập lúc 08 giờ 50 phút ngày 07/07/2022 thể hiện:

Hiện T2 là đoạn đường thẳng trên Quốc lộ 57 thuộc khu phố 3, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam; mặt đường rộng 7 mét, được rải nhựa, ở giữa mặt đường có vạch kẻ sơn màu vàng dạng đứt quãng (vạch kẻ tim đường) chia mặt đường thành hai chiều xe chạy riêng biệt. Chọn vạch kẻ tim đường làm chuẩn (chọn hướng khám nghiệm từ cầu Mương Điều đi cầu Mỏ Cày), tất cả dấu vết nằm bên phần đường phải theo chiều khám nghiệm, đo vào tim đường ghi nhận như sau: Vị trí nạn nhân Nguyễn Văn V ngã xuống đường do Trần Văn M và Trần Duy T xác định nằm bên phần đường phải, đầu nạn nhân quay ra tim đường và cách tim đường 1,45 mét. Xe đạp của nạn nhân nằm ngã nghiêng bên trái, đầu xe hướng cầu Mương Điều, tâm trục bánh trước cách vị trí nạn nhân 1,75 mét và cách tim đường 2,82 mét, tâm trục bánh sau cách tim đường 2,87 mét. Xe mô tô 59D1-121.80 nằm ngã nghiêng bên phải, đầu xe hướng thị trấn Mỏ Cày, tâm trục bánh sau cách nạn nhân 3,34 mét và tâm trục bánh sau xe đạp 2,60 mét và cách tim đường 0,75 mét; tâm trục bánh trước cách tim đường 0,37 mét. Xe mô tô 52Z2-2105 do Trần Văn M xác định không ngã, dựng đứng bên phần đường phải, đầu xe hướng thị trấn Mỏ Cày, tâm trục bánh sau cách nạn nhân 13,90 mét và cách tâm trục bánh sau xe đạp 12,10 mét, cách tâm trục bánh trước xe mô tô 59D1-121.80 là 9,60 mét và cách tim đường là 3,25 mét; tâm trục bánh trước cách tim đường 3,34 mét. Vị trí Trần Duy T xác định thấy nạn nhân ngã trên đường là 4 mét, cách trục bánh sau xe là 7,25 mét và cách tim đường 1,20 mét. Kết quả dựng lại hiện T2 ngày 17/8/2022 ghi nhận phù hợp với khám nghiệm hiện T2 ban đầu.

Kết quả khám nghiệm phương tiện xe mô tô biển số 52Z2-2105 ghi nhận dấu vết chính: Yên sau xe có để một giỏ bẹ kích thước 90cmx18cmx45cm; Yên sau xe có lắp thêm 01 T1 gỗ tự chế kích thước 85cmx6cm để máng hàng hóa; Đầu bên phải T1 gỗ máng hàng hóa có treo 01 giỏ bẹ kích thước 90cmx25cmx42cm, điểm cao nhất giỏ bẹ cách đất 73cm; Đầu bên trái T1 gỗ máng hàng hóa có treo 01 giỏ bẹ kích thước 85cmx25cmx42cm, điểm cao nhất giỏ bẹ cách đất 68cm.

Kết quả khám nghiệm phương tiện xe đạp ghi nhận các dấu vết chính: Chấn bunn sau bị đẩy lệch từ phải sang trái điểm cao nhất vị trí lệch cách đất 64 cm; Tay lái bị đẩy lệch từ phải sang trái; Rõ đựng hàng phía trước bị mốp thụng từ trước ra sau; Đầu tay thắng bên phải có vết mài mòn nhựa.

Kết quả khám nghiệm phương tiện xe mô tô biển số 59D1-121.80 ghi nhận dấu vết chính: Đèn chiếu sáng có vết mài mòn kim loại kích thước 9cmx1cm; Bên phải ốp nhựa đèn chiếu sáng có vết nứt 4cm; Bửng xe bên phải có vết trầy xước cũ kích thước 14cmx2cm; Bửng xe bên phải có vết nứt kích thước 4cmx1cm điểm

thấp nhất cách đất 37cm; Phía dưới ốp nhựa sườn xe bên phải có vết trầy xước củ kích thước 80cmx10cm.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 132/TT ngày 03/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Nạn nhân Nguyễn Văn V chết do chấn thương sọ não gây xuất huyết, tụ máu nội sọ, giập và hoại tử nhu mô não.

Theo công văn số: 132/KTHS ngày 29/11/2022 về việc giải thích kết luận giám định như sau: Cơ chế hình thành thương tích dẫn đến bị hại Nguyễn Văn V tử vong là do tác động tương hỗ với vật tày có tiết diện rộng gây ra. Nạn nhân V té ngã xuống đường (sau khi bị xe mô tô biển số 52Z2-2105 va đập) gây ra được thương tích dẫn đến tử vong như nêu trong kết luận giám định pháp y số 132/TT ngày 03/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự.

* Tại bản Kết luận giám định phương tiện số 4786/KL-KTHS ngày 22/9/2022 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí M, kết luận

+ Dấu vết trượt xước mặt ngoài phía trước giỏ đựng hàng bên phải xe mô tô biển số 52Z2-2105 có chiều từ trước về sau phù hợp với dấu vết cong biến dạng cung sau chấn bunn bánh sau xe đạp có chiều từ trước về sau. Phía trước giỏ đựng hàng bên phải xe mô tô biển số 52Z2-2105 và cung sau chấn bunn bánh sau xe đạp là vị trí va chạm đầu tiên giữa hai xe. Vị trí va chạm đầu tiên chiều xuống mặt đường giữa hai xe thuộc phần đường bên phải Quốc lộ 57, theo hướng từ cầu Mương Điều đến thị trấn Mỏ Cày, không đủ cơ sở xác định khoảng cách từ vị trí này đến tìm đường.

+ Xe mô tô 59D1-121.80 không có va chạm với xe đạp.

+ Không đủ cơ sở xác định xe mô tô biển số 59D1-121.80 có va chạm với nạn nhân Nguyễn Văn V hay không.

* Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSMCN ngày 23/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam để xét xử đối với bị cáo Trần Văn M về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao T đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách Nệm hình sự, nhân thân bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt:

+ Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao T đường bộ.

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) tuyên phạt bị cáo Trần Văn M từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm kể từ ngày tuyên án.

Đối với hành vi của anh Trần Duy T điều khiển xe mô tô từ phía sau đến va đập vào ông Nguyễn Văn V sau khi ông V té ngã xuống đường là sự kiện bất ngờ và nguyên nhân ông V tử vong là do bị cáo M gây ra nên anh T không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Tòa ghi nhận cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam đã trả lại cho:

+ Chị Bùi Thị Huế T1 01 xe mô tô biển kiểm soát 59D1-121.80 đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 59D1-121.80.

+ Bị cáo Trần Văn M 01 xe mô tô biển kiểm soát 52Z2-2105 và 03 giỏ xách bẹ.

+ Trả lại cho người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn V (do bà Nguyễn Thị N đại diện nhận) 01 xe đạp, đã qua sử dụng.

Đề nghị Tòa án tuyên trả cho bị cáo Trần Văn M một giấy phép lái xe hạng A1, số F018788 do Sở Giao T vận tải tỉnh Bến Tre cấp ngày 15/6/2000.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 585, Điều 586, Điều 7Điểm 591 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị:

Toà ghi nhận bị cáo Trần Văn M đã bồi thường xong cho người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn V (do bà Nguyễn Thị N đại diện nhận) số tiền 61.735.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Anh Bùi Duy T đã tự nguyện bồi thường xong cho gia đình bị hại V số tiền 61.735.000 đồng. Tuy Nên, trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa anh T không có yêu cầu gì khác nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Chị Bùi Thị Huế T1 đã nhận lại xe và không có yêu cầu nào khác nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo Trần Văn M có lời trình bày tại Tòa như sau Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như biên bản khám nghiệm hiện T2, biên bản khám nghiệm phương tiện, biên bản thực nghiệm điều tra, thống nhất kết quả giám định. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo vì bị cáo là con một trong gia đình có cha mẹ già không người chăm sóc.

Người đại diện hợp pháp của bị hại có lời khai tại Tòa cũng như trong suốt quá trình tố tụng như sau: Diễn biến sự việc ông Nguyễn Văn V bị tai nạn giao T ngày 02/7/2022 như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, sau khi bị tai

nạn ông V bị thương dẫn đến tử vong. Nay bà đề nghị bãi nại phần trách Nệm hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, về phần bồi thường thiệt hại, bà đã thỏa thuận với bị cáo bồi thường xong. Bà đã nhận lại 01 xe đạp của ông V và không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Duy T trình bày:
Anh đồng ý với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam cũng như thống nhất với biên bản khám nghiệm hiện T2, biên bản khám nghiệm phương tiện, anh không có yêu cầu cũng như không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Huế T1 trình bày:
chị đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Chị Bùi Thị Huế T1, cháu Lương Nhựt T2, chị Lương Thị Q và anh Nguyễn Thành T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình điều tra có ghi nhận đầy đủ ý kiến trình bày của các đương sự nên việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

Khoảng 08 giờ 17 phút ngày 02/7/2022, trên Quốc lộ 57 thuộc khu vực khu phố 3, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Trần Văn M có giấy phép lái xe hạng A1 điều khiển xe mô tô biển số 52Z2-2105 tham gia giao T do vượt xe không đảm bảo an toàn dẫn đến va chạm với xe đạp do ông Nguyễn Văn V điều khiển lưu T cùng chiều phía trước gây tai nạn làm ông V té ngã bị chấn thương sọ não và tử vong vào ngày 29/7/2022. Hành vi của Trần Văn M đã vi phạm khoản 2 Điều 14 Luật Giao T đường bộ năm 2008. Do đó, hành vi của bị cáo Trần Văn M đã phạm tội vi phạm quy định về tham gia giao T đường bộ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

1. Người nào tham gia giao T đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao T đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các T2 hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;”

b).....

Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì xem thường các quy tắc khi tham gia giao T đã dẫn đến tai nạn giao T làm chết người, để lại hậu quả thương tâm cho gia đình và xã hội, mặt khác hành vi của bị cáo còn làm mất tình hình an ninh trật tự tại địa phương, tạo tâm lý hoang mang, lo âu trong quần chúng nhân dân khi tham gia giao T. Bị cáo là người có năng lực trách Nệm hình sự, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, lẽ ra bị cáo phải biết tôn T3 các quy tắc khi tham gia giao T, góp phần bảo đảm an toàn cho bản thân và mọi người xung quanh nhưng bị cáo điều khiển xe vượt lên bị hại V không đảm bảo khoảng cách an toàn nên đã dẫn đến tai nạn làm bị hại V tử vong và hậu quả pháp lý là bị cáo phải chịu chế tài của pháp luật hình sự đối với tội phạm mà bị cáo đã thực hiện.

Trong khi nghị án để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại, bị cáo có hai bác ruột là liệt sỹ, bà nội là mẹ Việt Nam anh hùng, người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin miễn trách Nệm hình sự cho bị cáo. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu với lỗi vô ý, không có tiền án, tiền sự và không có tình tiết tăng nặng trách Nệm hình sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và có các tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng, trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và một điều quan T3 là đại diện hợp pháp của người bị hại có yêu cầu miễn trách Nệm hình sự cho bị cáo, điều đó thể hiện đại diện hợp pháp của người bị hại đã phần nào cảm T cho những lỗi lầm mà bị cáo đã gây ra, đồng thời Ủy ban nhân dân thị trấn Mỏ Cày xác nhận bị cáo M đang là người trực tiếp chăm sóc ông Trần Văn Bé và bà Phạm Thị Diệp. Sau khi cân nhắc, đánh giá tính chất, các tình tiết của vụ án, nhân thân của bị cáo thấy rằng không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng bảo đảm công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đủ khả năng răn đe, giáo

dục bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo học tập, lao động để trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với hành vi của anh Trần Duy T điều khiển xe mô tô từ phía sau đến va đập vào ông Nguyễn Văn V sau khi ông V té ngã xuống đường là sự kiện bất ngờ và nguyên nhân ông V tử vong là do bị cáo M gây ra nên anh T không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 ghi nhận cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam đã trả lại cho:

+ Chị Bùi Thị Huế T1 01 xe mô tô biển kiểm soát 59D1-121.80 đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 59D1-121.80.

+ Bị cáo Trần Văn M 01 xe mô tô biển kiểm soát 52Z2-2105 và 03 giỏ xách bẹ.

+ Trả lại cho người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn V (do bà Nguyễn Thị N đại diện nhận) 01 xe đạp, đã qua sử dụng.

Trả cho bị cáo Trần Văn M một giấy phép lái xe hạng A1, số F018788 do Sở Giao T vận tải tỉnh Bến Tre cấp ngày 15/6/2000.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015:

Ghi nhận bị cáo Trần Văn M đã bồi thường xong cho người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn V (do bà Nguyễn Thị N đại diện nhận) số tiền 61.735.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Anh Bùi Duy T đã tự nguyện bồi thường xong cho gia đình bị hại V số tiền 61.735.000 đồng. Tuy Nên, trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa anh T không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị Bùi Thị Huế T1 đã nhận lại xe và không có yêu cầu nào khác nên không xem xét giải quyết.

Xét về quan điểm luận tội, tội danh, các tình tiết giảm nhẹ, hình phạt, về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng và quyết định hình phạt đối với bị cáo của ông Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên được chấp nhận toàn bộ.

Bị cáo Trần Văn M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao T đường bộ*”

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn M 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 28/4/2023.

Giao bị cáo Trần Văn M cho Ủy ban nhân dân thị Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

T2 hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải T báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú để Ủy ban nhân dân cấp xã T báo cho Cơ quan Thi hành án hình sự theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. T2 hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 ghi nhận cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam đã trả lại cho:

+ Chị Bùi Thị Huế T1 01 xe mô tô biển kiểm soát 59D1-121.80 đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 59D1-121.80.

+ Bị cáo Trần Văn M 01 xe mô tô biển kiểm soát 52Z2-2105 và 03 giỏ xách bẹ.

+ Trả lại cho người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn V (do bà Nguyễn Thị N đại diện nhận) 01 xe đạp, đã qua sử dụng.

Trả cho bị cáo Trần Văn M một giấy phép lái xe hạng A1, số F018788 do Sở Giao T vận tải tỉnh Bến Tre cấp ngày 15/6/2000.

- Về trách Nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015:

Ghi nhận bị cáo Trần Văn M đã bồi thường xong cho người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn V (do bà Nguyễn Thị N đại diện nhận) số tiền 61.735.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Anh Bùi Duy T đã tự nguyện bồi thường xong cho gia đình bị hại V số tiền 61.735.000 đồng. Tuy Nên anh V không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị Bùi Thị Huế T1 đã nhận lại xe và không có yêu cầu nào khác nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Trần Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

T2 hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Công an huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng HSNV Công an huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Bị cáo (1b), ĐDHPBH (1b), NCQLNVLQ (2b);
- Lưu (HS, VP).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm